



MẪU NHÃN HỘP ZEMFUVA

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim



Kích thước thật



MẪU NHÃN HỘP ZEMFUVA

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim



Kích thước thật



MẪU NHÃN HỘP ZEMFUVA

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim



Kích thước thật



MẪU NHÃN HỘP ZEMFUVA

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim



Kích thước thật



MẪU NHÃN GỐC VỈ ZEMFUVA
VỈ 10 viên nén bao phim



Kích thước thật



Hướng dẫn sử dụng

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

ZEMFUVA®

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi dùng

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC.

Thành phần hoạt chất: Tiemonium methylsulfat.....50 mg

Thành phần tá dược: Lactose monohydrat, cellulose vi tinh thể 101, povidon K30, natri starch glycolat, magnesi stearat, HPMC 15cps, PEG 6000, talc, titan dioxyd.

2. DẠNG BẢO CHẾ.

Viên nén bao phim.

Mô tả: Viên nén bao phim màu trắng, hình tròn, cạnh và thành viên lành lặn

3. CHỈ ĐỊNH.

Điều trị triệu chứng đau cấp tính liên quan đến rối loạn chức năng của ống tiêu hóa và đường mật.

Điều trị triệu chứng đau liên quan đến phụ khoa.

Điều trị triệu chứng co thắt và đau ở đường tiết niệu.

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG.

Người lớn

2-6 viên/ngày.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH.

Quá mẫn cảm với các hoạt chất và các thành phần của thuốc.

Rối loạn niệu đạo - tiền liệt tuyến có nguy cơ bị bí tiểu.

Nguy cơ mắc bệnh tăng nhãn áp góc đóng.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC.

Bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoàn toàn hoặc kém hấp thu glucose - galactose không nên dùng thuốc này.

Sử dụng thận trọng trong trường hợp: Phì đại tuyến tiền liệt, suy thận và / hoặc suy gan, suy mạch vành, rối loạn nhịp tim, cường giáp, viêm phế quản mãn tính do tăng độ nhớt của dịch tiết phế quản, liệt ruột, mất trương lực ruột ở người già, chứng to ruột kết.

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ.

Thai kỳ

Kết quả nghiên cứu tiemonium methysulfat được thực hiện ở động vật không cho thấy bất kỳ tác dụng gây quái thai nào. Nhưng tốt nhất không nên sử dụng thuốc khi đang mang thai.

Phụ nữ cho con bú

Chưa có đủ dữ liệu về bằng chứng an toàn cho trường hợp này. Tốt nhất không nên sử dụng thuốc khi đang cho con bú.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC.

Khi dùng thuốc thấy có biểu hiện liên quan đến rối loạn điều tiết mắt, không nên lái xe hoặc vận hành máy móc.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC.

Các chất atropine có thể tăng thêm tác dụng không mong muốn của tiemonium methysulfat: dễ gây bí tiểu hơn, tăng nhãn áp cấp tính, táo bón, khô miệng,...

Atropine có trong các thuốc chống trầm cảm imipramine, hầu hết thuốc chống dị ứng atropinic H1, thuốc chống dị ứng anticholinergic, thuốc chống co thắt atropinic, disopyramide, thuốc an thần kinh phenothiazine và clozapine.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC.

Khô miệng, tăng dịch tiết phế quản, giảm bài tiết nước mắt, rối loạn điều tiết, nhịp tim nhanh, đánh trống ngực, táo bón, bí tiểu, kích động, hay giận dữ, lú lẫn ở người cao tuổi.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ.

Triệu chứng: Xuất hiện tác dụng phụ do atropine (khô miệng, táo bón, nhịp tim nhanh, rối loạn tâm thần ở người cao tuổi).

Xử trí: đào thải bớt thuốc. Điều trị triệu chứng trong môi trường chuyên biệt kết hợp với theo dõi tim và hô hấp.

12. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC.

Tiemonium: hỗn hợp chống co thắt:

- Cơ xương khớp
- Có đặc tính kháng cholinergic

13. ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC.

Đường uống: thời gian bán hấp thu là 36 phút, thời gian bán thải là 3h 24 phút, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau 2h, đào thải hoàn toàn sau 72h (70% đào thải qua phân trong 72h, 8% qua nước tiểu trong 24h, có đào thải qua hô hấp và da).

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI.

Hộp 02 vi/ 03 vi/ 05 vi/10 vi x 10 viên kèm tờ hướng dẫn sử dụng



15. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC.

Bảo quản: Để ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

16. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE.

Đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

